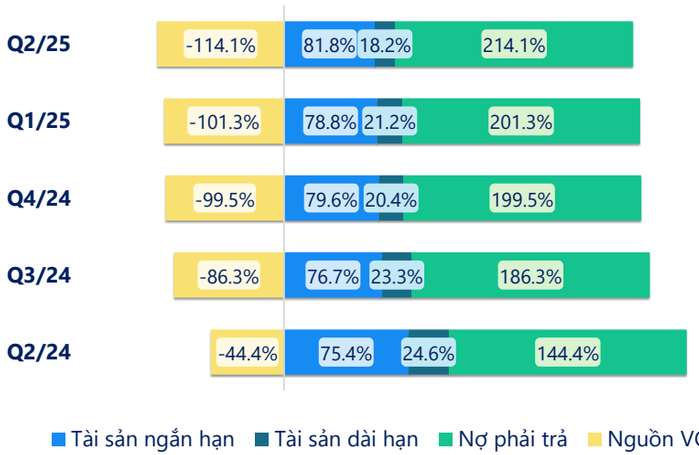
FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	19,279,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,625
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
P/E	-0.1
EPS	-6,648

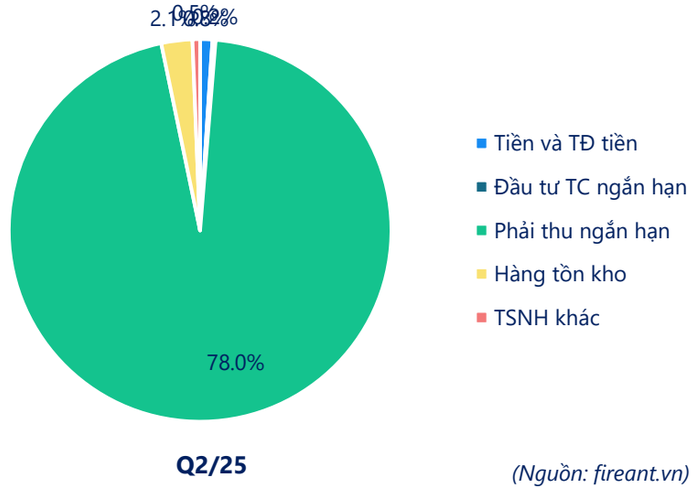
	YTD	1T	3T	6T
VKC	-11.1%	33.3%	0.0%	-11.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



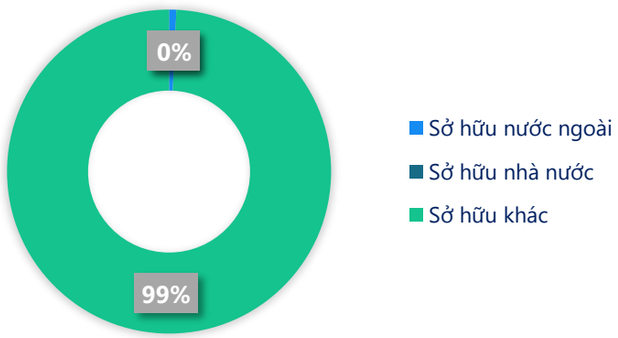
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



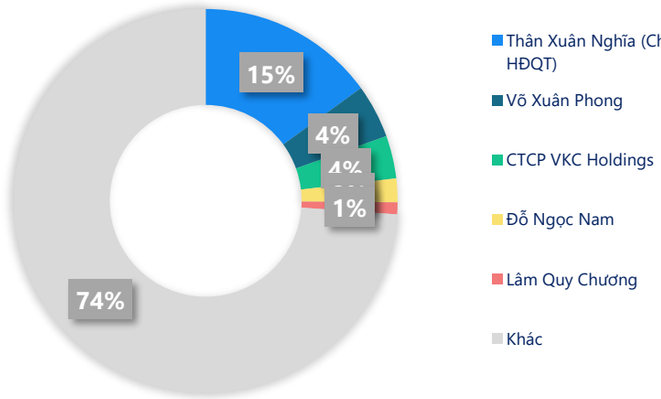
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



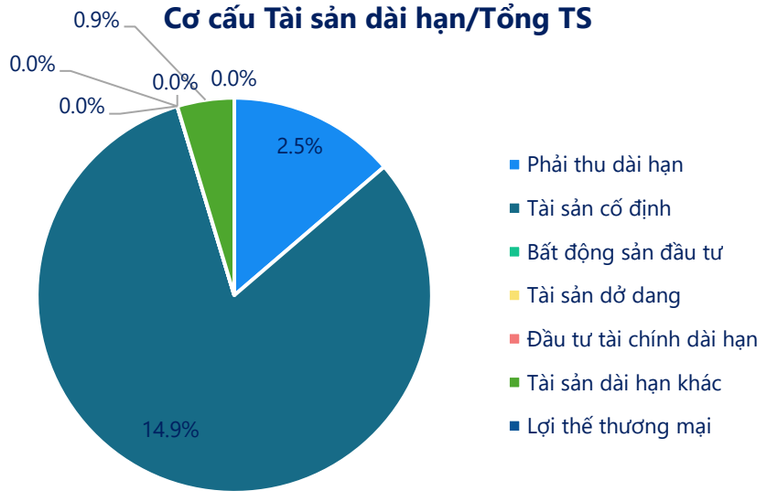
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

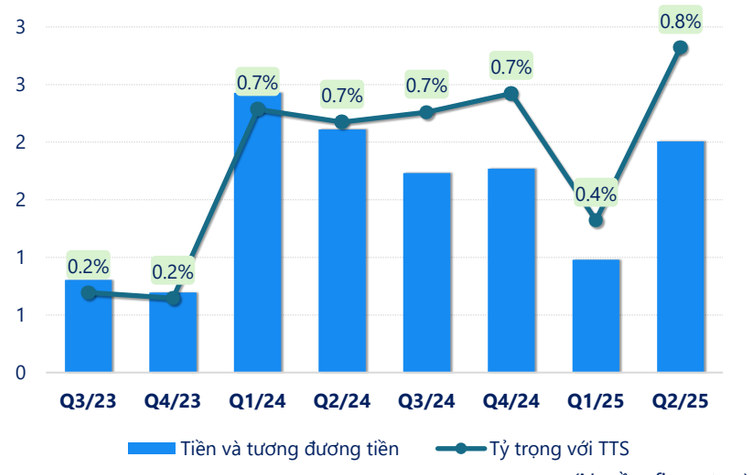


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

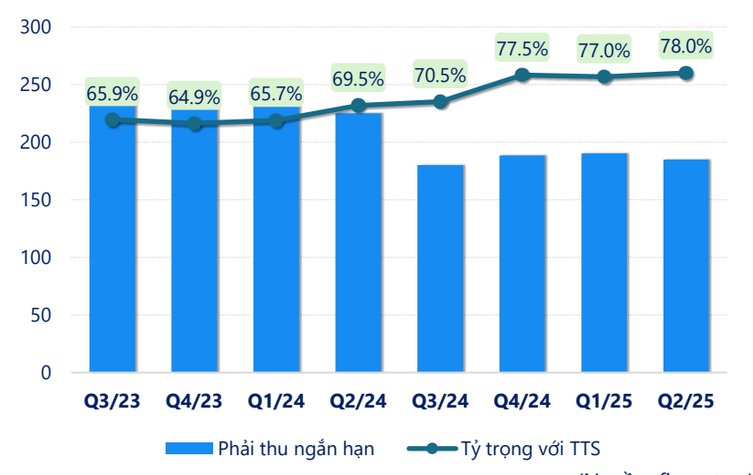
CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Tiền và tương đương tiền



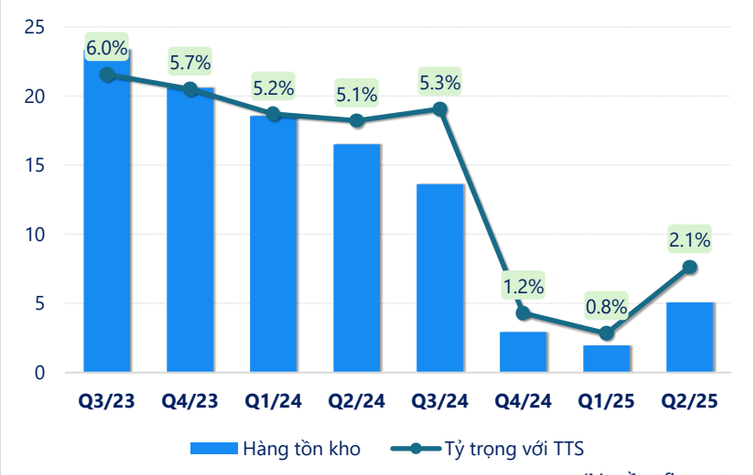
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



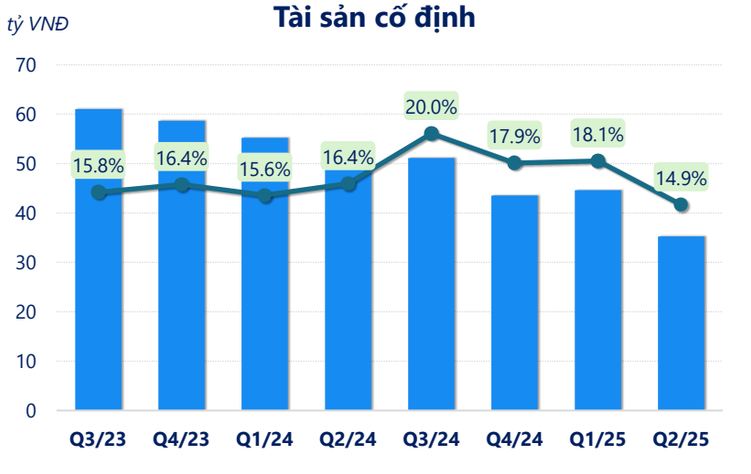
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



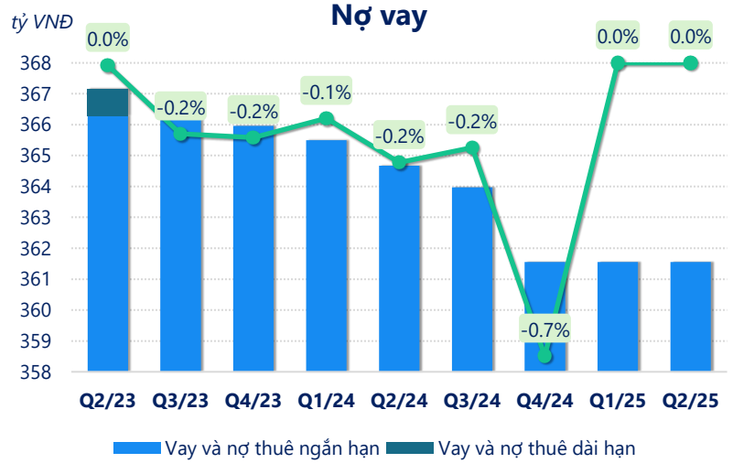
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



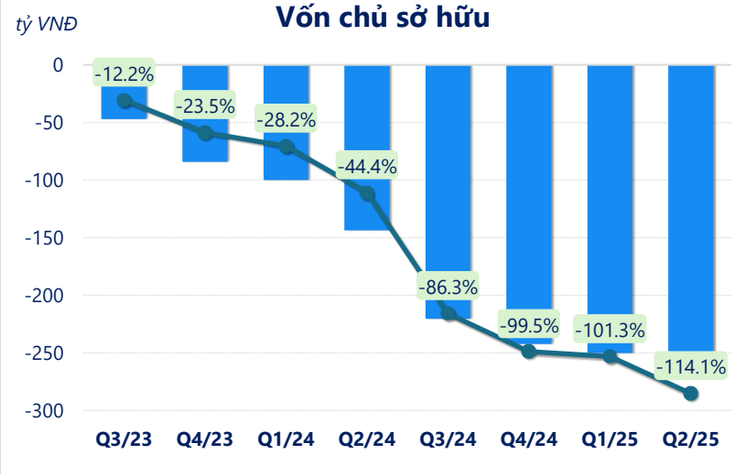
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

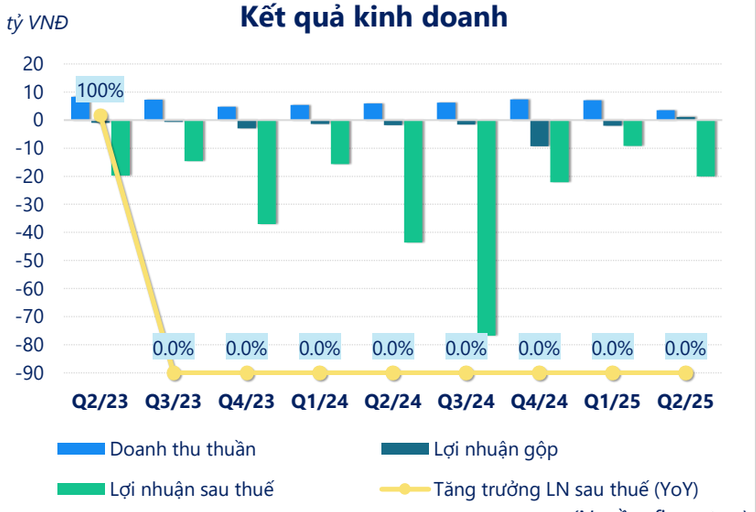


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

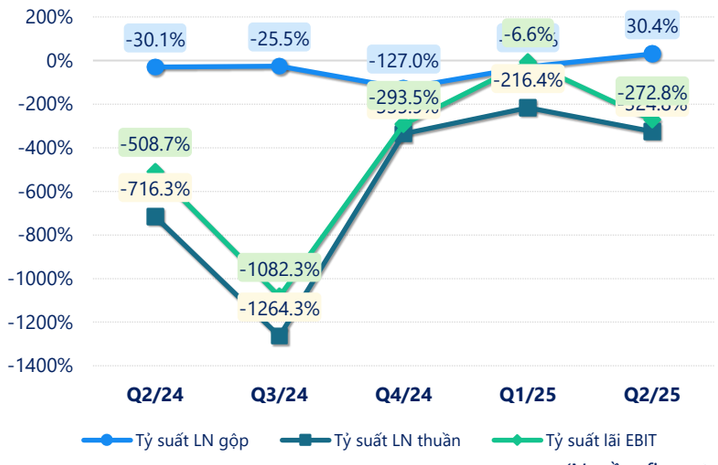
CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

Kết quả kinh doanh



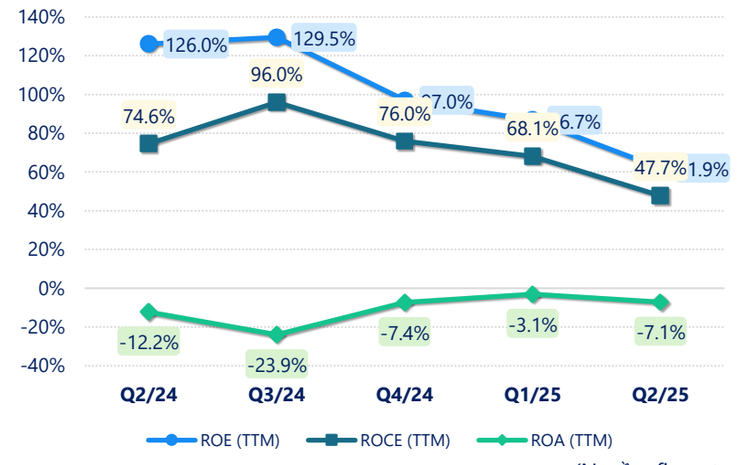
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



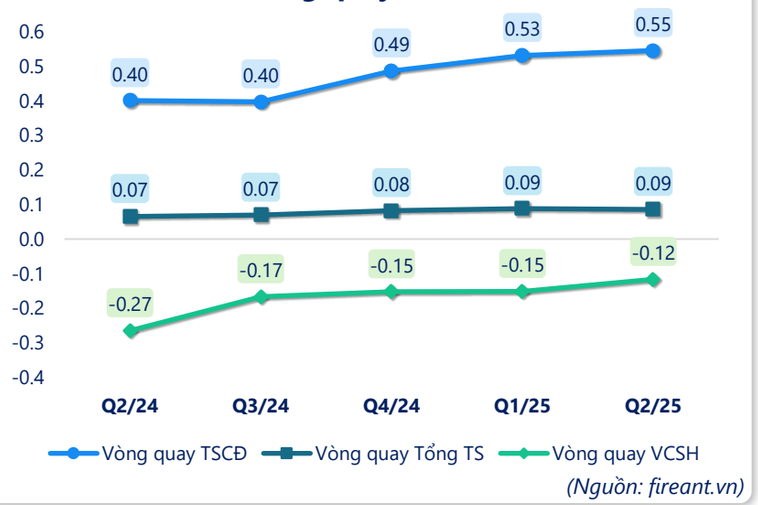
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



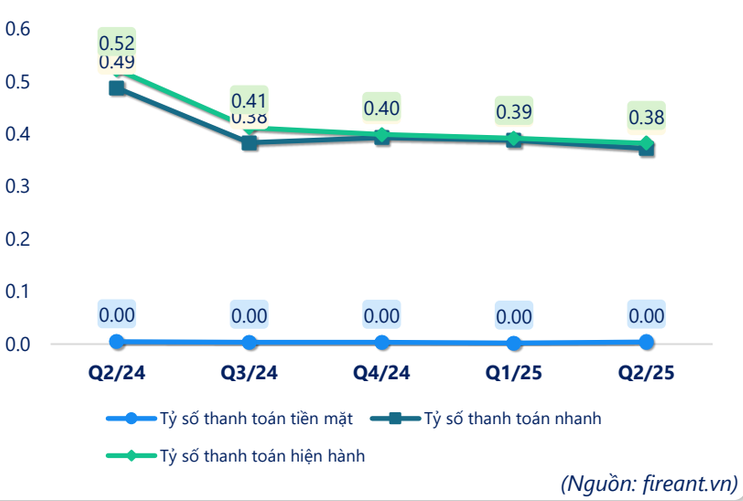
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



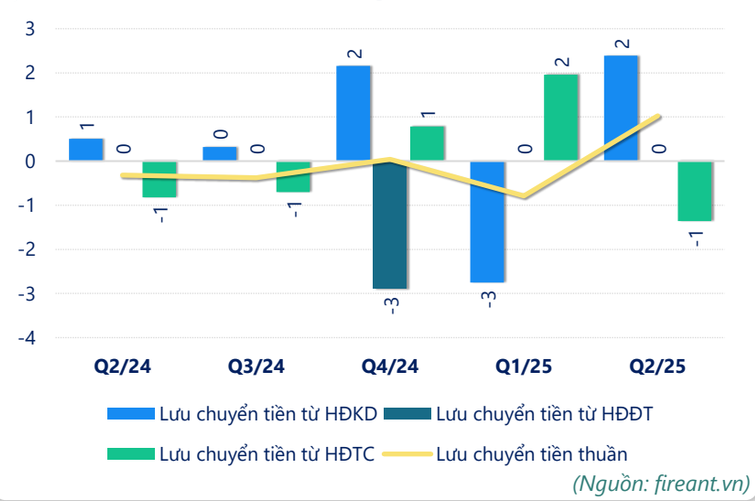
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP VKC Holdings (UPCOM: VKC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**237**	**244**	**-2.9%**
Tài sản ngắn hạn	194	194	0.1%
Tiền và tương đương tiền	2.01	1.77	13.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.51	0.51	0.0%
Phải thu ngắn hạn	185	188	-1.8%
Hàng tồn kho	5.08	2.94	72.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.24	0.01	18778%
Tài sản dài hạn	**43.2**	**50.3**	**-14.2%**
Phải thu dài hạn	5.92	5.92	0.0%
Tài sản cố định	35.3	44.3	-20.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.01**	**0.14**	**1312%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	507	485	4.5%
Nợ ngắn hạn	**507**	**485**	**4.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	362	362	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.52	7.43	1.2%
Nợ dài hạn	0.12	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-270**	**-242**	**-11.9%**
Vốn chủ sở hữu	**-270**	**-242**	**-11.9%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	5.92	6.20	7.33	7.06	3.50
Giá vốn hàng bán	7.70	7.78	16.7	9.11	2.44
Lợi nhuận gộp	-1.78	-1.58	-9.32	-2.05	1.06
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.01	0.02	0.01
Chi phí TC	31.5	28.5	11.9	10.5	10.6
Chi phí lãi vay	13.5	10.5	0	10.5	10.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.02	1.62	1.03	0.49	0.62
Chi phí QLDN	8.12	46.7	2.37	2.25	1.19
LN thuần từ HĐKD	-42.4	-78.4	-24.6	-15.3	-11.4
Lợi nhuận khác	-1.23	0.79	3.11	4.31	-8.81
LN trước thuế	-43.7	-77.6	-21.5	-11.0	-20.2
Lợi nhuận sau thuế	-43.7	-76.8	-22.2	-9.23	-20.1
LNST của CĐ cty mẹ	-43.7	-76.8	-22.2	-9.20	-20.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.51	0.32	2.16	-2.75	2.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-2.90	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.83	-0.70	0.78	1.96	-1.36
Tiền đầu kỳ	2.43	2.11	1.73	1.77	0.98
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.32**	**-0.38**	**0.04**	**-0.79**	**1.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.11	1.73	1.77	0.98	2.01

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic